

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2023/DS-ST
Ngày: 31-05-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tám
- Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-**DS** ngày 14 tháng 03 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công Tr, sinh năm 1968; Địa chỉ: tổ 01 ấp Hiệp Trung, xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Thu B, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Hiệp Trung, xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang là người đại diện theo uỷ quyền (giấy uỷ quyền ngày 27/3/2023), có mặt;

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Như Ng, sinh năm 1984; địa chỉ: : tổ 01 ấp Hiệp Trung, xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Công Tr bà Trịnh Thị Thu B trình bày: Từ năm 2019 đến 2021 ông Nguyễn Công Tr có tham gia giao dịch hụi với bà Trần Thị Như Ng. Bà Ng làm chủ của nhiều dây hụi, trong đó ông Tr tham gia là hụi viên cụ thể như sau:

Hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 29 phần, trong đó ông Tr tham gia 03 phần hụi, ông Tr đã lĩnh 02 phần hụi, còn lại 01 phần hụi sau cùng (hụi chót) sau khi trừ hoa hồng còn lại 26.500.000 đồng (trong đó vốn là 17.700.000 đồng lãi hụi là 8.800.000 đồng), phía bà Ng không giao tiền hụi.

Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, ông Tr tham gia 02 phần, hụi này ông Tr là người lĩnh hụi sau cùng (hốt chót) với số tiền 45.300.000 đồng (không có lãi hụi), tuy nhiên bà Ng không giao tiền hụi.

Hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, ông Tr tham gia 01 phần, ông Tr châu hụi được lần thứ 17 thì bà Ng ngừng hụi, số tiền ông Tr châu được là 10.050.000 đồng. Tổng cộng bà Ng còn nợ tiền hụi ông Tr là 17.700.000 đồng + 45.300.000 đồng + 10.050.000 đồng = 73.050.000 đồng. Vì vậy, ông Nguyễn Công Tr yêu cầu bà Trần Thị Như Ng có trách nhiệm trả tiền hụi là 73.050.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Như Ng đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Ng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Trịnh Thị Thu B yêu cầu bà Ng trả tiền hụi là 73.050.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Trần Thị Như Ng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Công Tr số tiền hụi là 73.050.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về hợp đồng góp hội được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; và bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Phú Tân. Nên, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Như Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Như Ng trả số tiền hội là 73.050.000 đồng. Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 03 giấy hội. Ngoài ra, còn các lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn Tài; Huỳnh Thị Hiền (Tuấn); Trần Thị Thuỳ Trang là những người cùng tham gia góp hội và là hội viên trong các dây hội do bà Trần Thị Như Ng làm chủ. Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản cho bà Ng, tuy nhiên phía bị đơn bà Ng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng góp hội, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn; căn cứ vào 03 giấy hội và những người làm chứng là hội viên cùng tham gia với ông Tr, thể hiện bà Nguyệt làm chủ nhiều dây hội, sau đó bà Ng góp tiền hội của những hội viên và không giao lại cho những người được lĩnh hội (hót hội) và bà Ng tuyên bố vỡ hội nên không giao tiền lại cho những hội viên chưa được lĩnh hội (hót hội). Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền hội còn nợ là 73.050.000 đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 29 Nghị định 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên được chấp nhận.

[2.2] Xét về trách nhiệm trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bà Ng có trách nhiệm trả số tiền hội là 73.050.000 đồng. Do bà Ng vi phạm nghĩa vụ của chủ hội nên theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Trần Thị Như Ng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Công Tr số tiền hội là 73.050.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.652.500 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.826.000 đồng cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 15; 29 Nghị định 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;

Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công Tr đối với bà Trần Thị Như Ng.

Buộc bà Trần Thị Như Ng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Công Tr số tiền 73.050.000 (Bảy mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Như Ng phải chịu 3.652.500 đồng đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.826.000 đồng cho ông Nguyễn Công Tr theo biên lai thu số 0005987 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Trần Ngọc Diệu

